

Số: 11/QĐ-THPTNĐT

Vụ Bản, ngày 24 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Kế hoạch Tài chính năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai Kế hoạch tài chính năm 2023 của trường THPT Nguyễn Đức Thuận (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan, phụ trách kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Công TTĐT của trường;
- Lưu VT, KT;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Quang Đức

Số: 01/KH-THPTNĐT

Vụ Bản, ngày 10 tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

I, Căn cứ để xây dựng kế hoạch:

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị Quyết số 165/2022/NĐ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập do tỉnh quản lý năm học 2022-2023;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 1396/SGDĐT ngày 05/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2022-2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 1405/SGDĐT ngày 06/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2022-2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 1661/SGDĐT-KHTC ngày 20/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc hướng dẫn tạm thời thực hiện quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2022-2023;

Căn cứ vào các văn bản pháp luật của nhà nước còn hiệu lực về việc hướng dẫn và quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu chi tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường; kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo và điều kiện cụ thể của trường THPT Nguyễn Đức Thuận;

II, Mục đích xây dựng kế hoạch

1, Sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả đảm bảo các nguyên tắc tài chính theo quy định.

2, Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động; nâng cao chất lượng giáo dục

3, Huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

4, Xây dựng khối đoàn kết nhà trường.

5, Kế hoạch tài chính giúp định hướng việc ra quyết định hàng ngày của đơn vị, giúp thủ trưởng đơn vị so sánh số lượng dự báo với kết quả thực tế và mang lại thông tin quan trọng nhằm đánh giá về hiệu quả tài chính tổng thể đơn vị.

III, Nhiệm vụ trọng tâm

1, Đảm bảo mọi chế độ chính sách đối với người cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động đúng, đủ, kịp thời.

2, Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

3, Thực hiện việc XDCSVC, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.

4, Huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trong trường.

5, Quản lý và sử dụng tài sản nhà trường có hiệu quả.

6, Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV, Nội dung kế hoạch tài chính

Đề chủ động cho việc thực hiện công tác kế toán, tài chính năm 2023. Trường THPT Nguyễn Đức Thuận xây dựng kế hoạch thu, chi Ngân sách nhà nước; học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm 2023. Kế hoạch tài chính năm 2023 gồm 02 phần:

A. Phần Thu:

B. Phần Chi

Cụ thể chi tiết như sau:

A PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung			Số tiền	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú	
I	Thu từ dự toán ngân sách nhà nước			7.022.000.000		QĐ số 3068/QĐ-SGDĐT V/v giao dự toán NSNN ngày 30/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	
1	Ngân sách thường xuyên chưa giao tự chủ			6.546.000.000	Các tháng trong năm		
2	Ngân sách không thường xuyên			200.000.000	Quý 2,3,4		
3	Cải cách tiền lương			276.000.000	Tháng 12		
STT	Nội dung	Số học sinh	Mức thu	Số tháng (Số tiết)	Tổng số tiền	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ						
1	Học phí (Bao gồm cả NS cấp bù học phí)				664.650.000		Thu theo hướng dẫn số 1661/SGDĐT-KHTC ngày 20/10/2022 của SGD&ĐT
1.1	Học kỳ 2 năm học 2022-2023	801	90.000	5	360.450.000	Các tháng thực học trong năm	
1.2	Học kỳ 1 năm học 2023-2024	845	90.000	4	304.200.000		
2	Coi xe học sinh				105.500.000		Thu theo QĐ số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định.
2.1	Tiền coi xe đạp	120	10.000	10	12.000.000	Tháng 11 +12	
2.2	Xe đạp điện	450	15.000	10	67.500.000		
2.3	Xe máy	130	20.000	10	26.000.000		
III	Nguồn thu theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh						
1	Học thêm				2.942.000.000		Thu theo công văn 1396/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2022 của Sở GD&ĐT Nam Định và có thỏa thuận với cha mẹ học sinh
	Học thêm đợt 2 năm học 2022-2023	800	5.000	160	640.000.000	Tháng 1	
	Học thêm đợt 3 năm học 2022-2023	800	5.000	104	416.000.000	Tháng 3	
	Học thêm đợt 4 năm học 2022-2023	800	5.000	160	640.000.000	Tháng 5	
	Học ôn thi tốt nghiệp năm học 2022-2023	232	5.000	200	232.000.000	Tháng 6	
	Học thêm đợt 1 năm học 2023-2024	845	5.000	120	507.000.000	Tháng 10	
	Học thêm đợt 2 năm học 2023-2024	845	5.000	120	507.000.000	Tháng 12	
2	Nước uống				164.600.000		Thu theo công văn 1396/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2022 của Sở GD&ĐT và có sự thỏa thuận với CMHS
	Năm học 2022-2023	801	10.000	10	80.100.000	Tháng 1	
	Năm học 2023-2024	845	10.000	10	84.500.000	Tháng 12	

STT	Nội dung	Số học sinh	Mức thu	Số tháng (Số tiết)	Tổng số tiền	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Thu học tiếng anh có yếu tố nước ngoài (thu theo buổi)	50	50.000	30	75.000.000	Tháng 12	Thu theo HĐ liên kết và có thỏa thuận với CMHS
4	Hoa hồng BHYT học sinh				7.877.195	Tháng 12	Theo quy định của cơ quan BHXH
IV	Các khoản thu hộ chi hộ						
1	Sổ liên lạc điện tử (thu theo năm học)	845	70.000	1	59.150.000	Tháng 11	Thu theo HĐ với đơn vị cung cấp dịch vụ và có thỏa thuận với CMHS
2	BHYT học sinh				437.621.940		
	BHYT Lớp10	290	46.935	12	163.333.800	Tháng 12	Thu theo công văn số 38 ngày 19/07/2021 của BHXH tỉnh Nam Định
	BHYT Lớp 11	283	46.935	12	159.391.260		
	BHYT Lớp 12	272	46.935	9	114.896.880		
3	Kinh phí CSSKBD				21.881.087		Theo quy định của cơ quan BHXH
	Cộng				11.500.280.222		

B PHẦN CHI*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Nội dung	Số tiền chi	Ghi chú
I	Ngân sách nhà nước	7.022.000.000	
1	Ngân sách thường xuyên chưa giao tự chủ	6.546.000.000	
1.1	Chi thanh toán cho cá nhân	5.706.000.000	
1.2	Chi chuyên môn nghiệp vụ	320.000.000	
1.3	Chi hàng hoá, dịch vụ	170.000.000	
1.4	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị	50.000.000	
1.5	Các khoản chi khác	300.000.000	
2	Ngân sách không thường xuyên	200.000.000	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị	200.000.000	
3	Chi cải cách tiền lương	276.000.000	
	Chi lương, phụ cấp	276.000.000	
II	Hoạt động sản xuất Kinh doanh dịch vụ	770.150.000	
1	Học phí	664.650.000	
1.1	Trích 40% để tạo nguồn CCTL	265.860.000	
1.2	60% để chi TX cho các nhiệm vụ	398.790.000	
1.2.1	Chi chuyên môn nghiệp vụ	166.162.500	
1.2.2	Chi hàng hoá, dịch vụ	132.930.000	
1.2.3	Các khoản chi khác	99.697.500	
2	Coi xe	105.500.000	
2.1	Chi nộp thuế	10.550.000	
2.2	Chi tiền công coi xe	31.650.000	
2.3	Chi sửa chữa lán để xe học sinh	63.300.000	
III	Nguồn thu theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh	3.189.477.195	
1	Học thêm	2.942.000.000	
1.1	70% chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	2.059.400.000	
1.2	15% chi công tác chủ nhiệm, quản lý nề nếp, kỷ cương, phục vụ, bảo vệ, coi xe	441.300.000	
1.3	15% chi tiền điện, nước và sửa chữa CSVC	441.300.000	
2	Nước uống học sinh	164.600.000	

STT	Nội dung	Số tiền chi	Ghi chú
	Chi trả nhà cung cấp dịch vụ	164.600.000	
3	Thu học tiếng anh có yếu tố nước ngoài	75.000.000	
	Chi trả nhà cung cấp dịch vụ	75.000.000	
4	Hoa hồng BHYT học sinh	7.877.195	
-	Chi tiền bồi dưỡng chi đạo, công thu BHYT	7.877.195	
IV	Các khoản thu hộ chi hộ	518.653.027	
1	Sổ liên lạc điện tử (thu theo năm học)	59.150.000	
	Chi trả nhà cung cấp dịch vụ	59.150.000	
2	BHYT học sinh	437.621.940	
	Chuyển mua thẻ BHYT học sinh	437.621.940	
3	Kinh phí CSSKBD	21.881.087	
	Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên và học sinh	21.881.087	
	Cộng	11.500.280.222	

Người lập



Hoàng Tuấn Nho

Thủ trưởng đơn vị



Trần Quang Đức